

Phụ lục 5

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI DẠY HỌC NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC CHUẨN QUỐC TẾ TẠI CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2025 – 2026

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SGDĐT ngày tháng năm 2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)*

A. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI DẠY HỌC NGOẠI NGỮ

I. DẠY HỌC NGOẠI NGỮ

1. Môn Tiếng Anh

Thành phố Hồ Chí Minh đang triển khai dạy các chương trình tiếng Anh cho các trường phổ thông như sau:

- Chương trình tiếng Anh hệ 10 năm của CT GDPT 2018 (học chính thức môn tiếng Anh từ lớp 3), cấp Tiểu học: 4 tiết/tuần, cấp Trung học cơ sở, trung học phổ thông: 3 tiết/tuần.

- Chương trình tiếng Anh Tăng Cường: đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung chương trình tiếng Anh hệ 10 năm của CT GDPT 2018 và nội dung tăng cường nâng cao kỹ năng nghe, nói.

- Dạy học tích hợp các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam tại các trường THPT và các trường THCS theo Quyết định 5695/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

- Và các hoạt động dạy ngoại ngữ theo chương trình nhà trường được quy định theo Nghị quyết 18/2025/NQ của HĐND TPHCM ngày 24/7/2025 và công văn 1888/SGDĐT-KHTC của Sở GDĐT ngày 29/8/2025 về các khoản thu trong trường học (theo nhu cầu đặc thù của HS từng trường và từng địa bàn phường). Chương trình GDPT sử dụng sách giáo khoa do Bộ GDĐT ban hành, và có sử dụng tài liệu bổ trợ Spark, i-Learn Smart World (THCS) và Smart Time (THPT); chương trình tiếng Anh Tăng Cường sử dụng bộ sách Access (THCS) và Solutions (THPT); các chương trình Nhà trường rất đa dạng về tài liệu tùy theo yêu cầu đầu ra được nhà trường, tổ chuyên môn đưa ra với sự đồng thuận và tự nguyện tham gia của cha mẹ HS và HS.

2. Môn Tiếng Pháp

Từ năm học 1994 - 1995 đến năm học 2024 - 2025: thực hiện chương trình song ngữ tiếng Pháp theo thỏa thuận giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo VN và nước Cộng Hoà Pháp:

Các em học theo chương trình song ngữ tiếng Pháp từ lớp 1 đến lớp 12 với hai học bạ là tiếng Việt và Pháp.

Có 05 trường tiểu học: Tiểu học Kết Đoàn, phường Bến Thành; Tiểu học Minh Đạo, phường Chợ Lớn; Tiểu học Bông Sao, phường Bình Đông; Tiểu học Trần Quốc Toản, phường Tân Bình; Tiểu học Lương Định Của, phường Bàn Cờ.

Có 05 trường THCS: THCS Trần Văn Ôn, phường Tân Định; THCS Colette, phường Xuân Hoà; THCS Chánh Hưng, phường Chánh Hưng; THCS Ngô Sĩ Liên, phường Tân Sơn Hoà; THCS Hồng Bàng, phường Chợ Lớn.

Cấp THPT, hiện có 03 loại hình:

- Chương trình song ngữ: THPT chuyên Lê Hồng Phong, THPT Nguyễn Thị Minh Khai và THPT Marie Curie.

- Ngoại ngữ 1: THPT Nguyễn Thị Minh Khai và THPT Marie Curie. Trường chọn HS đã trúng tuyển vào lớp 10 và có điểm thi tuyển sinh môn tiếng Pháp từ 5 trở lên.

- Ngoại ngữ 2: THCS-THPT Trần Đại Nghĩa và THPT Phan Đăng Lưu, THPT Bùi Thị Xuân, THPT Hùng Vương, THPT Trưng Vương.

Từ năm học 2025 - 2026: triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tiếng Pháp tăng cường tại 05 trường tiểu học và 05 trường THCS và 3 trường THPT, tiếng Pháp NN1 tại trường THPT Marie Curie và tiếng Pháp NN2 tại các cơ sở giáo dục phổ thông có học sinh tự nguyện đăng ký học.

3. Môn Tiếng Nhật

Triển khai với 02 loại hình:

- Ngoại ngữ 1: ở 6 trường ở TP.HCM cũ (THCS Lê Quý Đôn, THCS Hai Bà Trưng, THCS Võ Trường Toản; THPT Lê Quý Đôn, THPT Marie Curie, THPT Trưng Vương.)

- Ngoại ngữ 2: ở 4 trường của Bình Dương cũ (THCS Bình Thắng, THCS Nguyễn Văn Tiết; THPT Dĩ An, THPT chuyên Hùng Vương).

- Ngoại ngữ 2: ở 6 trường của Bà Rịa - Vũng Tàu cũ (THPT Châu Thành, THPT Phú Mỹ, THPT Đinh Tiên Hoàng, THPT Bà Rịa, THPT Nguyễn Huệ, THPT Vũng Tàu).

- Chương trình Chuyên ở trường THPT chuyên Lê Hồng Phong

- Và một số trường có thể triển khai dạy theo loại hình Chương trình Nhà trường (trường THCS-THPT Trần Đại Nghĩa, trường THPT Việt Nhật...)

4. Môn Tiếng Trung

Trước đây TP.HCM đã triển khai từ nhiều năm nay với loại hình “tăng cường tiếng Trung” từ lớp 1 đến lớp 12. Các trường mở lớp này cũng theo đăng ký tự nguyện từ phụ huynh HS, ưu tiên chủ yếu vẫn là con em người Hoa, các trường mở lớp cũng chủ yếu ở địa bàn đông người Hoa sinh sống như quận 4, 5, 11... Để đảm bảo tính liên thông, quận nào có trường tiểu học dạy tiếng Trung thì sẽ có

trường THCS dạy tiếng Trung và trường THPT như Hùng Vương, Trần Khai Nguyên, Trần Quang Khải và Nam Kỳ Khởi Nghĩa tuyển sinh lớp 10 tăng cường tiếng Trung.

Hiện nay được triển khai dưới các loại hình như sau:

- Chương trình CLB ngoại khóa cho lớp 1, 2. Chương trình 2018 NN 1 tiếng Trung cho lớp 3, 4, 5 ở các trường: Tiểu học Huỳnh Kiến Hoa; Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh; Tiểu học Kim đồng; Tiểu học Lý Thái Tổ; Tiểu học Phạm Văn Hai; Tiểu học Âu Cơ; Tiểu học Bình Thới; Tiểu học Thái Phiên.

- Chương trình NN2: THCS Minh Đức, THCS Phạm Ngọc Thạch; THCS Chu Văn An; Thcs Mạch Kiếm Hùng

- Chương trình Nhà trường: Thcs Trần Bội Cơ, Thcs Hậu Giang; Thcs Phạm Đình Hổ, Thcs Và Thpt Văn Lang

- Chương trình Chuyên: THPT chuyên Lê Hồng Phong

5. Môn Tiếng Hàn

Năm học 2016 - 2017 Bộ GDĐT bắt đầu thí điểm dạy tiếng Hàn là ngoại ngữ 2 trong các trường THCS và THPT. Cụ thể, TP có hơn 500 HS đăng ký theo học tiếng Hàn tại bốn trường gồm: THCS Hoa Lư (quận 9), THCS Bình Thới (quận Thủ Đức), THPT Thủ Đức và THPT Bùi Thị Xuân.

Hiện nay, dưới sự hỗ trợ của TT ngôn ngữ tiếng Hàn, đã triển khai dạy theo loại hình sau đây:

- Ngoại ngữ 2: tại trường THCS Hoa Lư và THCS Bình Thới.

- Chương trình Nhà trường: THCS Nguyễn Văn Linh; THCS Hậu Giang; THCS Nguyễn Văn Trỗi; THCS Phong Phú; THCS Phan Đăng Lưu; THCS Sương Nguyệt Anh; THCS Tân Phú; THCS Long Bình; THCS Tân Túc; THCS Bình Chánh; THCS Phú Mỹ; THCS Phú Hoà; THCS Nguyễn Văn Cừ; THCS Lê Thị Trung; THCS Trần Hưng Đạo; THPT Trường Chinh; THPT Trần Khai Nguyên; THPT Bùi Thị Xuân; THPT Nguyễn Thái Bình; THPT Hiệp Bình; THPT Dương Văn Thị; THPT Phước Long; THPT Tenloman; THPT Lê Quý Đôn; THPT Nguyễn Hữu Huân; THPT Bình Chiểu; THPT Thủ Đức; THPT Hùng Vương; THPT Tạ Quang Bửu; THPT Tây Thạnh; THPT Nguyễn Huệ; THPT Bình Phú; THPT Nguyễn Văn Tăng; THPT Nguyễn Trãi (BD); THCS-THPT Lương Thế Vinh.

II. KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ HỌC SINH

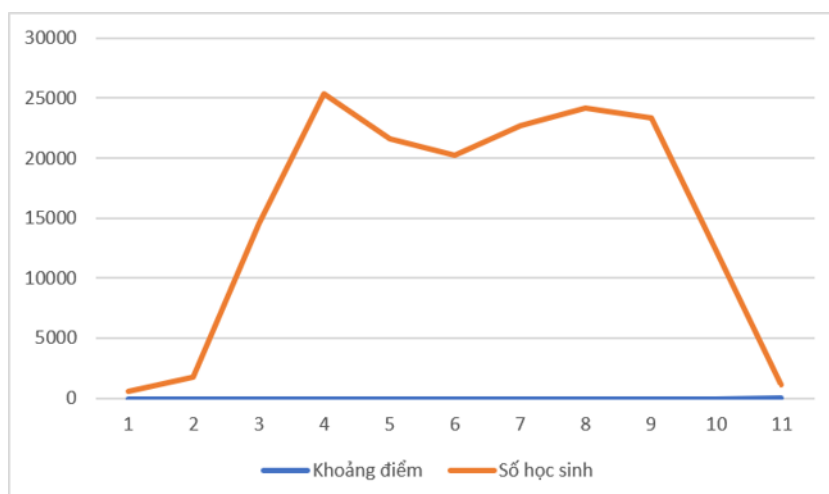
1. Kết quả khảo sát năng lực ngoại ngữ học sinh lớp 9

a) Số lượng trường, học sinh tham gia khảo sát

- Tổng số trường đăng ký dự khảo sát: 560 trường có cấp THCS có học sinh tham gia.

- Tổng số học sinh dự khảo sát: 168.509 học sinh.
- Tổng số học sinh vắng: 822 học sinh, chiếm 0,49%.
- Tổng số học sinh nộp bài có điểm: 167.670 học sinh, chiếm 99,5%.
- Tổng số học sinh gặp lỗi nộp bài: 17 học sinh, chiếm 0,01%.

b) Phân tích kết quả



Phổ điểm phân bố theo hình dạng lệch trái, đỉnh tập trung ở khoảng 3 – 7 điểm (cụ thể: khoảng 3–<4 có 25.387 học sinh; khoảng 7–<8 có 24.125 học sinh). Điều này cho thấy mặt bằng học sinh đại trà chưa đạt yêu cầu nhiều nhưng nhiều học sinh đạt điểm cao, chủ yếu là từ 8–<9 chiếm 13,92%. Kết quả cho thấy đề khảo sát có khả năng phân loại học sinh tốt, phổ điểm vẫn đảm bảo thí sinh ở mức đạt trở lên nhiều hơn.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy đề thi có tính phân hóa phù hợp, góp phần đánh giá tương đối đầy đủ năng lực ngoại ngữ của học sinh khối 9. Kết quả khảo sát phản ánh tương đối rõ năng lực ngoại ngữ của học sinh khối 9. Phổ điểm phân bố khá rộng, tập trung chủ yếu ở khoảng từ 3 đến dưới 8 điểm; trong đó số học sinh đạt từ 7 đến dưới 8 điểm chiếm tỉ lệ khá cao, nhưng nhóm học sinh ở mức dưới trung bình vẫn còn đáng lưu ý. Tỉ lệ học sinh đạt điểm giỏi từ 9 điểm trở lên chưa cao, khoảng 7,97%, cho thấy mặc dù nhiều học sinh đã nắm được kiến thức cơ bản và đạt yêu cầu, năng lực vận dụng ngoại ngữ vào các tình huống thực tiễn vẫn còn chưa đồng đều.

Kết quả này cho thấy công tác giảng dạy đã bước đầu bám sát kiến thức cốt lõi trong chương trình, tuy nhiên cần tiếp tục tăng cường rèn luyện kỹ năng nghe, đọc hiểu, sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh và kỹ năng làm bài trắc nghiệm trên máy tính để nâng cao chất lượng học tập của học sinh.

2. Kết quả khảo sát năng lực ngoại ngữ học sinh lớp 11

a) Số lượng trường, học sinh tham gia khảo sát

- Tổng số trường đăng ký dự khảo sát: 268 trường có cấp THPT có học sinh

tham gia.

- Tổng số học sinh dự khảo sát: 121.642 học sinh.
- Tổng số học sinh vắng: 4.988 học sinh, chiếm 0,04%.
- Tổng số học sinh nộp bài có điểm: 116.623 học sinh, chiếm 95,87%.
- Tổng số học sinh gặp lỗi nộp bài: 32 học sinh, chiếm 0,0002%.

b) Phân tích kết quả



Phổ điểm phân bố theo hình dạng lệch phải, đỉnh tập trung ở khoảng 7 - 9 điểm (cụ thể: khoảng 7–8 có 17.328 học sinh; khoảng 8–9 có 18.698 học sinh). Điều này cho thấy mặt bằng học sinh đại trà đạt yêu cầu nhưng chưa có nhiều học sinh đạt điểm cao, đặc biệt là ≥ 9 điểm chỉ chiếm 8,4%. Kết quả cho thấy đề khảo sát có khả năng phân loại học sinh tốt, số lượng học sinh tăng dần từ điểm thấp lên trung bình rồi giảm dần ở điểm cao.

Kết quả khảo sát phản ánh tương đối chính xác năng lực ngoại ngữ của học sinh khối 11. Phổ điểm phân bố theo hình dạng lệch phải, đỉnh tập trung ở khoảng 7 – 9 điểm cho thấy mặt bằng chung học sinh đại trà đạt yêu cầu. Tuy nhiên, tỉ lệ học sinh đạt điểm giỏi (≥ 9 điểm) chưa cao (chỉ chiếm 8,4 %). Điều này cho thấy công tác giảng dạy đã bám sát kiến thức cốt lõi qua 25 tuần học đầu tiên, nhưng vẫn cần tăng cường hơn nữa các phương pháp phát triển năng lực vận dụng ngoại ngữ vào thực tiễn.

III. TĂNG CƯỜNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ VÀ ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI

Thực hiện chủ trương tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ và tăng cường năng lực hội nhập cho học sinh. Nội dung trọng tâm thực hiện gồm:

- Triển khai các chương trình giáo dục tích hợp, chương trình song ngữ và các hoạt động hợp tác quốc tế trong giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố.

- Tăng cường hợp tác với các cơ quan, tổ chức giáo dục, cơ quan đại diện ngoại giao và tổ chức quốc tế nhằm triển khai các chương trình, hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật và văn hóa.

- Tổ chức các cuộc thi, sân chơi học thuật quốc tế, hoạt động giao lưu văn hóa, nghiên cứu khoa học và ngoại ngữ, góp phần phát triển năng lực ngoại ngữ, tư duy hội nhập và kỹ năng công dân toàn cầu cho học sinh.

- Triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Anh; tiếp tục mở rộng các mô hình dạy học tiếng Anh tăng cường, chương trình song ngữ và dạy các môn học bằng tiếng Anh phù hợp với điều kiện của các cơ sở giáo dục.

Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được xác lập với tầm nhìn định vị TP. Hồ Chí Minh là trung tâm giáo dục chất lượng cao của khu vực, nơi tiếng Anh không chỉ là một môn học mà trở thành công cụ giao tiếp và học thuật chủ đạo. Việc thiết lập hành lang pháp lý được thực hiện dựa trên trực tiếp từ các chỉ đạo chiến lược của Bộ Chính trị đến các quyết sách đặc thù và sự thống nhất trong vận hành.

Đề án tập trung vào việc kiến tạo một hệ sinh thái ngôn ngữ toàn diện, nơi tiếng Anh hiện diện tự nhiên trong quản lý và học thuật. Trong điều kiện thực tế, Thành phố Hồ Chí Minh xác lập 3 cấp độ hoàn thành:

(1) Nền tảng: Hình thành môi trường tiếp xúc và sử dụng cơ bản.

(2) Tích hợp: Sử dụng tiếng Anh một phần trong giảng dạy chuyên môn và giao tiếp thường xuyên.

(3) Hệ sinh thái song ngữ: Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ làm việc và giảng dạy chủ đạo bên cạnh tiếng Việt.

Để từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học ngành giáo dục tập trung vào 8 nhóm Nhiệm vụ và Giải pháp trọng tâm:

Đề án triển khai các nhóm giải pháp đồng bộ nhằm tối ưu hóa nguồn lực công và tư:

- Thay đổi nhận thức: Định vị tiếng Anh là công cụ sinh tồn và hội nhập thay vì một môn học tính điểm trong trường học.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách: Xây dựng định mức lao động và chế độ đãi ngộ đặc thù cho giáo viên dạy các môn bằng tiếng Anh.

- Phát triển đội ngũ: Khảo sát năng lực toàn diện, bồi dưỡng theo lộ trình cá nhân; khai thác nguồn giáo viên tại các trung tâm ngoại ngữ ngoài công lập có uy tín để hỗ trợ cho các khu vực thiếu nhân lực có chất lượng.

- Xây dựng chương trình và học liệu bằng tiếng Anh: Triển khai mô hình "Thư viện chia sẻ" và "Đại học chia sẻ" để dùng chung học liệu số, giảm chi phí đầu tư đơn lẻ.

- Đổi mới khảo thí: Chuyển dịch từ kiểm tra kiến thức sang đánh giá năng lực ngôn ngữ tích hợp, tiệm cận chuẩn quốc tế.

- Đột phá Công nghệ/AI: Ứng dụng AI để cá nhân hóa lộ trình học tập, đặc biệt hỗ trợ học sinh tại vùng ngoại thành khắc phục tình trạng thiếu giáo viên trực tiếp.

- Hợp tác quốc tế và thực hiện xã hội hóa: Thu hút chuyên gia/giáo viên bản ngữ và các dự án viện trợ không hoàn lại để chuẩn hóa môi trường ngôn ngữ.

- Tối ưu hóa nguồn lực: Vinh danh các mô hình "Trường học song ngữ" điển hình tại các khu vực khó khăn để tạo sức lan tỏa. Việc kế thừa trực tiếp từ Đề án 5695 cho phép Thành phố tận dụng kho dữ liệu và đội ngũ nòng cốt sẵn có, tạo tính liên tục và tiết kiệm đáng kể thời gian chuyển đổi hệ thống.

Khái quát mục tiêu của Đề án được hướng tới theo lộ trình:

- Giai đoạn 1 (2027-2030): Tập trung bồi dưỡng nguồn nhân lực nòng cốt. Phấn đấu 40% giáo viên tham gia bồi dưỡng chuẩn hóa; ít nhất 20% cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố tổ chức dạy môn học bằng tiếng Anh.

- Giai đoạn 2 (2031-2035): Chuẩn hóa 100% đội ngũ cán bộ, giáo viên về năng lực tiếng Anh, bậc 4 trở lên. Thiết kế và hoàn thiện chương trình dạy học bằng tiếng Anh đặc thù cho mỗi môn tại mỗi cơ sở giáo dục.

- Giai đoạn 3 (2036-2045): Hiện đại hóa môi trường ngôn ngữ toàn diện. Đội ngũ tự chủ bồi dưỡng thường xuyên, vận hành hệ sinh thái song ngữ bền vững.

B. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI DẠY HỌC TIN HỌC CHUẨN QUỐC TẾ

Việc triển khai dạy học Tin học chuẩn quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi để ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh nâng cao năng lực, kiến thức và kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông theo định hướng chuẩn quốc tế, góp phần từng bước hiện thực hóa mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

Đề án đã mở rộng cơ hội tiếp cận các chuẩn Tin học quốc tế cho học sinh ở nhiều cấp học, giúp học sinh từng bước làm quen với các yêu cầu, tiêu chí đánh giá năng lực Tin học tiên tiến, qua đó nâng cao khả năng hội nhập, thích ứng với môi trường học tập và làm việc trong nước và quốc tế.

Việc tổ chức dạy học Tin học theo chuẩn quốc tế bảo đảm phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, góp phần phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực học sinh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chương trình được triển khai theo hướng thống nhất về mục tiêu và chuẩn đầu ra, đồng thời linh hoạt điều chỉnh nội dung, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với điều kiện của từng nhà trường và đặc điểm của từng nhóm học sinh, qua đó bảo đảm mọi học sinh đều có cơ hội tiếp cận nội dung giáo dục phù hợp với năng lực cá nhân.

Bên cạnh việc triển khai các chuẩn Tin học quốc tế, việc tổ chức dạy học Tin học theo Đề án cũng từng bước đáp ứng và tiệm cận Khung năng lực số dành cho người học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong đó tập trung phát triển các nhóm năng lực cốt lõi như: khai thác và sử dụng công nghệ số; xử lý thông tin và dữ liệu; giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; an toàn, đạo đức số; sáng tạo nội dung số và giải quyết vấn đề bằng công nghệ.

1. Về tổ chức thực hiện, cơ sở vật chất và trang thiết bị

KV1	Tiểu học	THCS	THPT
Tổng số trường	644	417	226
Số trường thực hiện đề án	320	294	108
Tỉ lệ	49.69%	70.50%	47.79%

Song song với việc đổi mới nội dung và phương pháp dạy học, công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học Tin học được Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm chỉ đạo, các cơ sở giáo dục phổ thông chủ động bố trí nguồn lực, từng bước nâng cấp và phát triển hệ thống phòng máy. Nhiều trường học đã được đầu tư, cải tạo phòng máy tính bảo đảm các yêu cầu về hạ tầng mạng, thiết bị phần cứng, phần mềm và an toàn thông tin, đáp ứng nhu cầu triển khai các chương trình Tin học theo chuẩn quốc tế.

Bên cạnh mô hình phòng máy truyền thống, các cơ sở giáo dục đã từng bước triển khai các mô hình phòng máy linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn và xu hướng chuyển đổi số, như: sử dụng máy tính xách tay, Chromebook, thiết bị di động cá nhân phục vụ dạy học Tin học; tổ chức lớp học Tin học lưu động; khai thác hiệu quả các phòng học đa năng, thư viện, phòng học thông minh. Các mô hình này góp phần tăng tính linh hoạt trong tổ chức dạy học, mở rộng khả năng tiếp cận Tin học cho học sinh, đặc biệt tại những cơ sở giáo dục có hạn chế về mặt bằng và số lượng phòng học chức năng.

Việc đa dạng hóa mô hình phòng máy và thiết bị dạy học Tin học đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà trường tổ chức dạy học theo hướng lấy học sinh làm trung tâm, tăng cường thực hành, trải nghiệm, học tập theo dự án, học tập cá thể hóa và học tập kết hợp (blended learning). Qua đó, học sinh được rèn luyện kỹ năng sử dụng

công nghệ trong nhiều bối cảnh học tập khác nhau, phù hợp với yêu cầu của các chuẩn Tin học quốc tế.

Hiện tất cả các trường phổ thông có phòng máy vi tính và có 81.47% các trường đủ thiết bị dạy học tin học. Tiếp tục nâng số lượng máy tính, đảm bảo chất lượng, cấu hình máy đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo chương trình chuẩn quốc tế.

2. Đối với đội ngũ giáo viên Tin học

Cấp	Tổng giáo viên dạy Tin học (KV1)	Được bồi dưỡng		Đạt chứng chỉ	
		ICDL	IIG	ICDL	IIG
Tiểu học	802	627	1424	491	1235
THCS	849	343	873	185	706
THPT	671	172	423	100	310

Đội ngũ giáo viên dạy Tin học được huy động từ nhiều nguồn, được bồi dưỡng thường xuyên và từng bước chuẩn hóa, đáp ứng tốt yêu cầu triển khai dạy học Tin học theo định hướng chuẩn quốc tế; nhiều giáo viên đã chủ động tiếp cận các phương pháp dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giảng dạy.

Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp các đơn vị tổ chức các lớp tập huấn cơ bản và nâng cao cho giáo viên Tin học để tiếp tục bồi dưỡng cho giáo viên mới vào ngành, cập nhật các nội dung trong các phiên bản mới của các chuẩn Tin học quốc tế nhằm đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện triển khai đề án tại đơn vị.

3. Đối với học sinh

Khối	Tổng học sinh (KV1)	Số học sinh được học Tin học chuẩn quốc tế			
		Chuẩn Certipoint	Chuẩn ICDL	Tổng cộng	Tỉ lệ
1	123845	1925	1589	3514	2.84%
2	123577	2766	1712	4478	3.62%
3	124227	58235	9494	67729	54.52%
4	123865	48266	11817	60083	48.51%
5	124643	43039	11457	54496	43.72%
6	124176	84392	15033	99425	80.07%
7	125612	75806	13234	89040	70.88%
8	147221	76349	14031	90380	61.39%
9	117914	6118	8144	14262	12.10%
10	75546	49002	2450	51452	68.11%
11	91308	46723	2278	49001	53.67%

Khối	Tổng học sinh (KV1)	Số học sinh được học Tin học chuẩn quốc tế			
		Chuẩn Certiport	Chuẩn ICDL	Tổng cộng	Tỉ lệ
12	87638	9054	936	9990	11.40%
Tổng	1389572	501675	92175	593850	42.74%

Thông qua việc tích hợp các nội dung Tin học chuẩn quốc tế với yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và định hướng Khung năng lực số, học sinh được hình thành và phát triển năng lực số một cách hệ thống, liên thông giữa các cấp học, góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời, thích ứng với môi trường học tập, làm việc và xã hội số. Tỷ lệ học sinh tham gia và đạt kết quả tại các kỳ thi, chứng chỉ Tin học quốc tế ngày càng tăng, phản ánh hiệu quả của việc đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Tin học trong nhà trường phổ thông.

Trình độ Tin học của học sinh Thành phố từng bước tiệm cận với trình độ của học sinh tại các quốc gia có hệ thống giáo dục phát triển trong khu vực và trên thế giới, góp phần hình thành môi trường học tập năng động, cạnh tranh lành mạnh, giúp học sinh nhận thức rõ vai trò, giá trị và khả năng ứng dụng của Tin học trong học tập, đời sống và định hướng nghề nghiệp tương lai.

C. ĐÁNH GIÁ

Sở Giáo dục và Đào tạo đã luôn cập nhật nội dung, hình thức tổ chức đảm bảo thực hiện các định hướng, chủ trương của Trung ương và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc thực hiện Đề án phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW với yêu cầu “dạy ngoại ngữ và tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, bảo đảm năng lực sử dụng của người học” và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW./.